

STT	Số Bảo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Nơi quản lý	Ngoại ngữ	CC	KCC	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	TB2.00001	Nguyễn Thế Anh	19/02/78		Chi nhánh TTGDTX tại Hoà Bình	76.00	5.50	6.50	12.00	12.00	
2	TB2.00004	Phạm Quý Bấy	30/01/70		UBND tp Yên Bái	99.00	6.00	5.50	11.50	11.50	Ưu tiên
3	TB2.00005	Chu Thị Minh Châu	08/06/64	Nữ	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái	86.00	6.00	6.00	12.00	12.00	Ưu tiên
4	TB2.00006	Hà Biên Cương	20/04/72		Huyện uỷ Văn Trấn	86.00	6.00	5.50	11.50	11.50	Ưu tiên
5	TB2.00007	Nguyễn Văn Cường	11/07/77		BHXXH tỉnh Yên Bái	86.00	7.50	7.00	14.50	14.50	Ưu tiên
6	TB2.00008	Cao Quý Duy	22/10/76		Phòng TN&MT tỉnh Yên Bái	86.00	6.00	6.50	12.50	12.50	Ưu tiên
7	TB2.00009	Vũ Dũng	13/02/75		TAND tỉnh Yên Bái	86.00	7.00	5.00	12.00	12.00	Ưu tiên
8	TB2.00010	Nguyễn Xuân Hà	30/05/76		Văn phòng ĐKQSDĐ TP Yên Bái	97.00	6.00	5.00	11.00	11.00	Ưu tiên
9	TB2.00011	Lê Thu Hằng	25/09/74	Nữ	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái	88.00	6.00	6.00	12.00	12.00	Ưu tiên
10	TB2.00012	Ngô Thị Hồng Hoa	05/03/87	Nữ	Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Yên Bái	88.00	7.50	6.00	13.50	13.50	Ưu tiên
11	TB2.00013	Lê Thị Hoài	22/10/73	Nữ	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái	86.00	7.00	5.00	12.00	12.00	Ưu tiên
12	TB2.00014	Phạm Xuân Ngọc Hoàng	16/10/88		Thị hành án dân sự tỉnh Yên Bái	86.00	7.50	5.00	12.50	12.50	Ưu tiên
13	TB2.00015	Lê Xuân Hùng	10/03/72		Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình	86.00	7.00	5.50	12.50	12.50	Ưu tiên
14	TB2.00016	Nguyễn Đình Hưng	18/02/77		UBND tp tỉnh Yên Bái	94.00	6.00	5.50	11.50	11.50	Ưu tiên
15	TB2.00017	Đỗ Thu Hương	16/11/72	Nữ	Toà án nhân dân tp Yên Bái	87.00	7.00	6.00	13.00	13.00	Ưu tiên
16	TB2.00018	Nguyễn Trung Kiên	11/08/82		Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái	86.00	7.00	5.00	12.00	12.00	Ưu tiên
17	TB2.00019	Lê Thị Thu Lý	16/03/81	Nữ	Chi nhánh TTGDTX tại Hoà Bình	76.00	6.50	5.50	12.00	12.00	
18	TB2.00020	Phạm Thị Nguyệt	08/02/73	Nữ	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái	91.00	6.00	5.50	11.50	11.50	Ưu tiên
19	TB2.00021	Phạm Hồng Quân	20/08/71		Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái	92.00	7.00	6.50	13.50	13.50	Ưu tiên
20	TB2.00022	Hà Kim Sơn	16/02/73		Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái	86.00	6.50	5.50	12.00	12.00	Ưu tiên
21	TB2.00024	Nguyễn Hồng Thoan	07/03/73		Văn phòng Đại biểu QH tỉnh Yên Bái	86.00	6.50	6.50	13.00	13.00	Ưu tiên
22	TB2.00025	Hà Thái Thọ	28/10/73		Văn phòng Đại biểu QH tỉnh Yên Bái	86.00	7.50	5.00	12.50	12.50	Ưu tiên

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Nơi quản lý	Ngoại ngữ	CC	KCC	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
23	TB2.00026	Triệu Ngọc Thơ	17/10/91		Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên	86.00	6.50	6.00	12.50	12.50	Ưu tiên
24	TB2.00027	Lương Thị Thanh Thùy	26/12/83	Nữ	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái	86.00	7.00	6.50	13.50	13.50	Ưu tiên
25	TB2.00028	Lê Văn Trang	30/10/81		Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Yên Bái	84.00	7.50	6.00	13.50	13.50	Ưu tiên
26	TB2.00030	Trương Thanh Tùng	05/09/89		Viện KSND huyện Yên Bình	90.00	6.00	7.00	13.00	13.00	Ưu tiên

CỘNG TRƯỞNG TB2 : 26 THÍ SINH

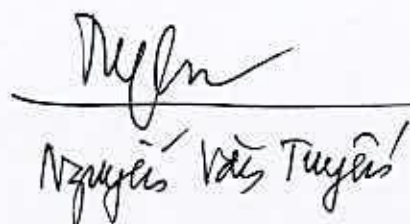
TRUNG TÂM CNTT

KHOA SAU ĐẠI HỌC

PHÒNG THANH TRA ĐÀO TẠO

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
HIỆU TRƯỞNG


Phan Văn Khải



Nguyễn Văn Tuyên



Nguyễn Phương Lan



S. Trương Quang Vinh